

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 645/2007/QĐ – HĐQT ngày 26/03/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam và Biên bản thỏa thuận thành lập Công ty ngày 12/04/2007 của cổ đông sáng lập. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2203000845 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 24/04/2007. Trong quá trình hoạt động, những thay đổi về tên doanh nghiệp và ngành nghề kinh doanh của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh phê duyệt tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi từ lần 01 đến lần 03 ngày 07/04/2015; trong đó số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được thay bằng mã số doanh nghiệp số 5700647458 trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03 ngày 07/04/2015.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa và ven biển.

Công ty có trụ sở tại số 108 đường Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | | |
|---------------------------|---------------|------------------------------|
| - Ông Hoàng Minh Hiếu | Chủ tịch HĐQT | |
| - Ông Vũ Văn Tâm | Ủy viên | |
| - Ông Trần Vũ Bình | Ủy viên | (Từ 1/1/2016 đến 28/4/2016) |
| - Ông Trần Viết Viện | Ủy viên | (Từ 28/4/2016 đến 18/8/2016) |
| - Ông Phạm Thế Trọng Toàn | Ủy viên | Bổ nhiệm từ ngày 8/9/2016 |

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | | |
|---------------------------|--------------------|------------------------------|
| - Ông Vũ Văn Tâm | Giám đốc điều hành | |
| - Ông Trần Vũ Bình | Phó Giám đốc | |
| - Ông Trần Viết Viện | Phó Giám đốc | Miễn nhiệm từ ngày 18/8/2016 |
| - Ông Phạm Thế Trọng Toàn | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm từ ngày 8/9/2016 |
| - Bà Phạm Thị Thu Hà | Kế toán trưởng | |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Vũ Văn Tâm - Giám Đốc Công ty.

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | | |
|------------------------|------------|-----------------------------|
| - Ông Phạm Xuân Vinh | Trưởng Ban | |
| - Bà Trần Thị Lệ | Ủy viên | (Từ 1/1/2016 đến 28/4/2016) |
| - Ông Vũ Ngọc Cảnh | Ủy viên | (Từ 1/1/2016 đến 28/4/2016) |
| - Ông Lương Đức Chính | Ủy viên | Bổ nhiệm từ ngày 28/4/2016 |
| - Bà Vũ Thị Thu Phương | Ủy viên | Bổ nhiệm từ ngày 28/4/2016 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

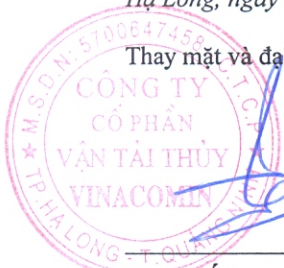
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Hạ Long, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 



Giám đốc

Vũ Văn Tâm

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

**Kính gửi: CỘ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY - VINACOMIN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin, được lập ngày 06 tháng 03 năm 2017 từ trang 6 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vấn đề cần nhấn mạnh

Không nhằm mục đích phủ nhận ý kiến kiểm toán nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến mục V.18 phần Thuyết minh báo cáo tài chính: Tại thời điểm 31/12/2016, khoản lỗ lũy kế của đơn vị là 126.260.289.986 đồng vượt quá nguồn vốn kinh doanh là 26.260.289.986 đồng và khoản nợ ngắn hạn của đơn vị vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 71.190.947.330 đồng. Những dấu hiệu này đã chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của đơn vị.



Bùi Văn Vương - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán 0780-2013-038-1

Phạm Thị Tú - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán 2581-2013-038-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		25.777.814.430	27.088.027.405
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.027.705.894	3.482.735.411
1. Tiền	111		2.027.705.894	3.482.735.411
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.456.700.825	13.913.551.748
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	12.634.235.730	11.804.244.601
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.1	250.697.234	232.802.280
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.1	631.546.529	1.900.598.780
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(64.794.060)	(64.794.060)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		5.015.392	40.700.147
IV. Hàng tồn kho	140		9.387.729.459	8.753.793.676
1. Hàng tồn kho	141	V.7	9.387.729.459	8.753.793.676
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		905.678.252	937.946.570
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.1	883.312.614	937.946.570
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13.2	22.365.638	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		54.597.986.379	62.459.280.464
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		17.000.000	17.000.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.5.2	17.000.000	17.000.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định		220		46.323.778.000	53.819.251.866
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	46.323.778.000	53.790.918.516
	<i>Nguyên giá</i>	222		91.480.200.603	91.480.200.603
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(45.156.422.603)	(37.689.282.087)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	28.333.350
	<i>Nguyên giá</i>	228		170.000.000	170.000.000
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(170.000.000)	(141.666.650)
III. Bất động sản đầu tư		230		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn		240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn		250		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	4.560.000.000	4.560.000.000
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.560.000.000)	(4.560.000.000)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác		260		8.257.208.379	8.623.028.598
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.2	8.257.208.379	8.623.028.598
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		80.375.800.809	89.547.307.869

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		102.238.761.760	124.449.903.124
I. Nợ ngắn hạn	310		96.968.761.760	112.221.746.876
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	51.321.826.010	49.523.009.210
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	8.403.775.730	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.1	656.205.218	1.231.434.361
4. Phải trả người lao động	314	V.14	2.504.563.093	1.412.857.807
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	576.203.284	39.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	773.531.006	627.405.655
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17.1	32.732.657.419	59.388.039.843
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		5.270.000.000	12.228.156.248
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17.2	5.270.000.000	12.228.156.248
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(21.862.960.951)	(34.902.595.255)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	(21.862.960.951)	(34.902.595.255)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		734.747.581	734.747.581
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.662.581.454	3.662.581.454
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(126.260.289.986)	(139.299.924.290)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(139.299.924.290)	(140.321.850.903)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.039.634.304	1.021.926.613
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		80.375.800.809	89.547.307.869

Lập ngày 06 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Trần Thị Thanh Loan

Phạm Thị Thu Hà

Vũ Văn Tâm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

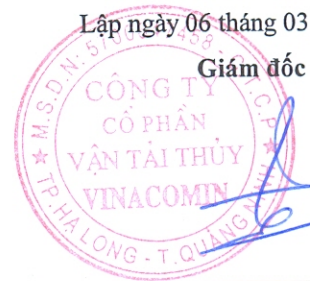
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	613.049.378.287	670.634.228.561
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		613.049.378.287	670.634.228.561
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	577.321.821.322	623.515.704.754
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35.727.556.965	47.118.523.807
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	33.794.705	46.894.670
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.454.008.970	3.054.861.123
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.453.663.600	3.054.861.123
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.147.980.250	5.855.541.752
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	15.978.017.760	11.244.107.376
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.181.344.690	27.010.908.226
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.425.726.601	6.881.410.760
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.567.436.987	32.870.392.373
13. Lợi nhuận khác	40		(141.710.386)	(25.988.981.613)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.039.634.304	1.021.926.613
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>13.039.634.304</u>	<u>1.021.926.613</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>1.304</u>	<u>102</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		<u>-</u>	<u>-</u>

Lập ngày 06 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Thị Thanh Loan

Phạm Thị Thu Hà

Vũ Văn Tâm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.039.634.304	1.021.926.613
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		7.495.473.866	13.341.902.296
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(503.423)	(1.285.592)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(32.945.912)	26.515.034.385
- Chi phí lãi vay	06		2.453.663.600	3.054.861.123
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		22.955.322.435	43.932.438.825
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		434.485.285	(11.123.048.936)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(633.935.783)	3.053.856.818
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		11.003.736.132	(21.070.493.263)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		420.454.175	(3.186.878.207)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.055.002.424)	(3.054.861.123)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(31.063.294)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		32.125.059.820	8.519.950.820
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		32.945.912	44.857.582
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		32.945.912	44.857.582

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	101.844.619.924	23.903.098.091
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(135.458.158.596)	(42.766.967.006)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(33.613.538.672)</i>	<i>(18.863.868.915)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>	<i>(1.455.532.940)</i>	<i>(10.299.060.513)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	3.482.735.411	13.780.510.332
Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	503.423	1.285.592
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	<u>2.027.705.894</u>	<u>3.482.735.411</u>

Người lập biểu

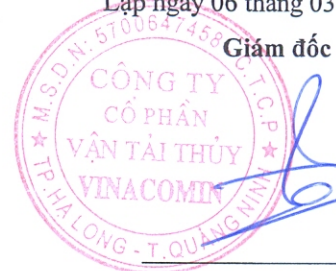
Trần Thị Thanh Loan

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Hà

Lập ngày 06 tháng 03 năm 2017

Giám đốc



Vũ Văn Tâm